

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 145/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 5 – 2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Lin;

Bà Trần Thị Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 336/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Công Phong D1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà D và ông D1 xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim D trình bày: Bà và ông Nguyễn Thành Công Phong D1 là vợ chồng cưới nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/11/2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, chung sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà và ông D1 đã ly thân với nhau cho đến nay.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông Nguyễn Thành Công Phong D1.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông D1 có 01 con chung tên Nguyễn Như Q, sinh ngày 17/02/2015, hiện con đang sống với ông D1. Khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu Q cho ông D1 trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Bà D xác định bà và ông D1 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà D xác định bà và ông D1 không có nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 08/5/2024, bị đơn ông Nguyễn Thành Công Phong D1 trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà D về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn và tình trạng hôn nhân, hiện nay ông và bà D đã ly thân với nhau. Nay bà D yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Ông xác nhận có 01 con chung như bà D đã trình bày. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Ông D1 xác định ông và bà D không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông D1 xác định ông và bà D không có nợ ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Kim D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành Công Phong D1. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Ông D1 hiện đang cư trú tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3]. Nguyên đơn là Nguyễn Thị Kim D và bị đơn là ông Nguyễn Thành Công Phong D1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim D:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Thành Công Phong D1 tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng

nhận kết hôn số 114/2015 đăng ký ngày 17/11/2015 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Long An cấp, nên xác định hôn nhân giữa bà D và ông D1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Thấy rằng, trong quá trình chung sống, bà D cho rằng do cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà và ông D1 đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Mâu thuẫn giữa bà và ông D1 cũng không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông D1.

Ông Nguyễn Thành Công Phong D1 cũng xác nhận cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng từ khi sống ly thân đến nay, ông cũng không tìm ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Mặt khác, từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông và bà D vẫn chưa giải quyết được những mâu thuẫn phát sinh nên đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim D.

Từ những phân tích trên, thấy rằng hôn nhân giữa bà D và ông D1 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim D đối với ông Nguyễn Thành Công P Dương là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Tại thời điểm giải quyết vụ án, bà D xác định cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 17/02/2015 do ông D1 trực tiếp nuôi dưỡng. Trên cơ sở đề nghị của bà D, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập nên khi ly hôn, bà D đồng ý giao cháu Q cho ông D1 được tiếp tục nuôi dưỡng. Đồng thời, ông D1 cũng thống nhất khi ly hôn ông D1 sẽ là người trực tiếp, nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Thấy rằng, sự thống nhất của bà D và ông D1 về con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho ông D1 tiếp tục nuôi dưỡng.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông D1 không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Thành Công Phong D1 thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với ông Nguyễn Thành Công Phong D1.

2. Về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Thành Công Phong D1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Như Q, sinh ngày 17/02/2015. Bà D không phải cấp dưỡng nuôi con do ông D1 không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Thành Công Phong D1 thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp công quỹ Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006626 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông D1 không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Hòa Khánh Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Thức